

Bản án số: 06/2021/KDTM-PT
Ngày 29/6/2021 V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình, bà Nguyễn Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án ND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-KDTM ngày 10/3/2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” do bản án sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo, (thành phố - viết tắt là TP).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2021/QĐ-PT ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V. Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân V. *Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Văn T - Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Nguyễn Đức L - Cán bộ xử lý nợ V.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K.

Địa chỉ: Số 449, đường L, tổ 26, phường H, TP T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn K - Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Văn K, sinh năm 1981

+ Ông Phạm Văn K 2, sinh năm 1947

+ Bà Hà Thị N, sinh năm 1948 (vợ ông K2).

Đều trú tại: Số 449, đường L, tổ 26, (tạm trú tại tổ 5) phường H, TP T, tỉnh Thái Bình. *Người đại diện theo ủy quyền của bà N:* Ông Phạm Văn K 2.

- Người kháng cáo: Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn K 2.

(Có mặt ông L, ông K, ông K2, vắng mặt bà N, ông T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Năm 2017 và 2018 Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V) và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K (viết tắt là Công ty K) có ký kết các Hợp đồng tín dụng gồm:

1. Hợp đồng cho vay số 070617-3709835-01-SME1 ngày 08/6/2017, Công ty K vay số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 22,2%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Nợ gốc trả 1 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng. Ông Phạm Văn K đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 070617-3709835-01-SME/HĐBL ngày 08/6/2017 dùng các tài sản của ông để đảm bảo cho khoản vay trên. Công ty K đã trả cho V 166.680.000 đồng tiền gốc và 96.120.622 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 26/01/2021, còn nợ 333.320.000 đồng tiền gốc và 291.007.899 đồng tiền lãi.

2. Hợp đồng cho vay số 110717-3709835-01-SME ngày 12/7/2017, tương tự về thời hạn vay, lãi suất, lãi suất quá hạn, thời hạn trả nợ, Công ty K đã vay số tiền 400.000.000đ. Ông K đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 110717-3709835-01-SME/HĐBL ngày 12/7/2017 dùng tài sản của ông để đảm bảo cho khoản vay trên. Công ty K đã trả cho V 122.265.000 đồng tiền gốc và 70.838.975 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 26/01/2021, còn nợ 277.735.000 đồng tiền gốc và 246.280.903 đồng tiền lãi.

3. Hợp đồng cho vay số 180118-3709835-01-SME ngày 19/01/2018, Công ty K đã vay số tiền 533.927.50 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay 7,8%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, nợ gốc trả 1 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng. Công ty K đã ký Hợp đồng thế chấp số 180118-3709835-01-SME/TC ngày 19/01/2018, dùng chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17A-093.05 của Công ty K để đảm bảo cho khoản vay trên. Ngoài ra, ông K còn ký Hợp đồng bảo lãnh số 180118-3709835-01-SME/HĐBL ngày 19/01/2018 dùng tài sản của ông để đảm bảo cho khoản vay trên. Công ty K đã trả cho V 44.500.000 đồng tiền gốc và 15.126.059 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 26/01/2021, còn nợ 489.427.500 đồng tiền gốc và 221.733.240 đồng tiền lãi.

4. Hợp đồng cho vay số 010218-3709835-01-SME ngày 05/02/2018, Công ty K đã vay số tiền 561.600.000 đồng thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất cho vay 11,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Nợ gốc trả 1 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng. Ông Phạm Văn K 2 và bà Hà Thị N đã ký Hợp đồng thế chấp ngày 02/02/2018 dùng quyền sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ số 109 có diện tích 374,3m² tại tổ 19, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS039019 cấp ngày 26/7/2014 mang tên ông K2 và bà N để đảm bảo cho khoản vay trên. Công ty K đã trả cho V 62.400.000 đồng tiền gốc và

23.099.535 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 26/01/2021 còn nợ 499.200.500 đồng tiền gốc và 247.322.037 đồng tiền lãi.

5. Hợp đồng cho vay số 310118-3709835-01-SME ngày 07/02/2018, Công ty K đã vay số tiền là 113.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay 21,3%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, nợ gốc trả 1 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng. Ông K đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 310118-3709835-01- SME/HĐBL ngày 07/02/2018 dùng tài sản của ông để đảm bảo cho khoản vay trên. Công ty K đã trả 12.556.000 đồng tiền gốc và 7.814.200 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 26/01/2021 còn nợ 100.444.000 đồng tiền gốc và 87.499.286 đồng tiền lãi.

6. Theo giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm, ngày 07/02/2018 Công ty K vay của V số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất trong hạn được xác định theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Đến ngày 26/01/2021 Công ty K còn nợ tiền gốc là 48.857.793 đồng và tiền lãi 32.007.787 đồng.

V yêu cầu Công ty K phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi của các Hợp đồng tính đến ngày 26/01/2021 là 2.859.452.466 đồng, yêu cầu Công ty K tiếp tục trả lãi quá hạn trên nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu Công ty K không thanh toán được số nợ trên thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Nếu các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông K để thu hồi nợ cho đến khi Công ty K thanh toán hết nợ. Công ty K phải tiếp tục trả nợ khi tài sản bảo đảm không trả đủ các khoản nợ trên.

Bị đơn trình bày: Các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng bảo lãnh, việc giải ngân mà Công ty K đã ký kết với V như nguyên đơn trình bày là đúng. Công ty K đã thực hiện việc trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận. Đến tháng 7/2018 Công ty gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên đã đề nghị Ngân hàng cho Công ty trả lãi hàng tháng, còn nợ gốc trả khi kết thúc Hợp đồng, nhưng Ngân hàng không đồng ý. Đến tháng 9/2018 Ngân hàng đã đến Công ty thu hồi nợ không đúng quy định của pháp luật, việc này Công ty đã có đơn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng đến nay chưa được trả lời. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty K phải trả tiền lãi 1.088.726.122 đồng, bị đơn không chấp nhận vì trước đây bị đơn đồng ý bán tài sản thế chấp của hợp đồng nào trả cho hợp đồng đó nhưng Ngân hàng không đồng ý và ép Công ty phải trả toàn bộ gốc và lãi, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn K 2 và bà Hà Thị N trình bày: Ông bà đồng ý với ý kiến của bị đơn. Quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 109 mang tên ông Phạm Văn K 2 và bà Hà Thị N chỉ dùng để bảo đảm khoản vay 561.600.000 đồng cho Công ty K do con trai ông bà là Phạm Văn K làm giám đốc. Công ty K đã trả nợ gốc 62.400.000 đồng còn lại tiền nợ gốc 499.200.000 đồng. Nếu Công ty K không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý dùng tài sản thế chấp trả nợ thay cho Công ty K theo Hợp đồng thế chấp đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K trình bày:

Ông có ký kết 4 hợp đồng bảo lãnh, dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh cho Công ty K vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng với số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 08/6/2018, số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 13/07/2018 số tiền 113.000.000 đồng vào ngày 07/02/2018 và số tiền 533.927.500 đồng vào ngày 19/01/2018. Trường hợp Công ty K không trả được nợ cho Ngân hàng thì giải quyết theo pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST Ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 293, 295, 298, 318, 319, 320, 325; 335, 336, 339, 342, 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K phải trả cho Ngân hàng V tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/01/2021) tổng cộng số tiền là 2.859.452.466 đồng (Hai tỷ tám trăm năm chín triệu bốn trăm năm hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng), trong đó nợ gốc là 1.748.984.293 đồng, nợ lãi trong hạn 21.742.051 đồng, nợ lãi quá hạn 1.088.726.122 đồng và tiền lãi của thẻ tín dụng 32.007,768 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi xuất mà Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của Ngân hàng V.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K không trả được số tiền trên thì Ngân hàng V có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Đất ở diện tích 374,3m² tại thửa số 26, tờ bản đồ số 109, địa chỉ: Tổ 19, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS039019, sổ vào sổ cấp GCN: CH03308 ngày 26/7/2014 đứng tên ông Phạm Văn K 2 và bà Hà Thị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 166-HĐTC ngày 02/02/2018 được lập tại Văn phòng Công chứng Đặng Ngọc T, tại số 56, phố C, thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/02/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cùng tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông Phạm Văn K 2 và bà Hà Thị N xây dựng năm 1985 gồm: 01 nhà mái bằng 01 tầng (kích thước 9m x 6m x 3,9m); 01 gian bếp lợp ngói, bếp đã mất mái và bức tường trước; phía Nam của thửa đất có xây dựng tường bao hiện nay một phần tường bao đã bị đổ do bão.

+ 01 xe ô tô, nhãn hiệu KIA CERATO, màu đen, BKS 17A-093.05 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K theo Hợp đồng thế chấp số 180118-3709835-01- SME/TC ngày 19/01/2018 đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/01/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi xử lý không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu anh Phạm Văn K tiếp tục trả nợ hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, phát mãi các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Văn K để thu hồi nợ cho đến khi Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K thanh toán xong nợ cho Ngân hàng V theo các Hợp đồng bảo lãnh số 070617-3709835-01-SME/HĐBL ngày 08/6/2017; số 110717-3709835-01-SME/HĐBL ngày 12/7/2017; số 180118-3709835-01-SME/HĐBL ngày 19/01/2018; số 010218-3709835-01-SME/HĐBL ngày 05/02/2018 và số 310118-3709835-01-SME/HĐBL ngày 07/02/2018.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 08/02/2021 bị đơn - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu V phải bồi thường thiệt hại do thu nợ không đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn K 2 có đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết mảnh đất vợ chồng ông thế chấp chỉ bảo lãnh cho khoản vay 561.600.000 đồng, không chịu trách nhiệm cho các khoản vay nào khác của Công ty K.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa phúc thẩm xử bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Công ty K yêu cầu V phải bồi thường thiệt hại cho Công ty 4 tỷ đồng và bồi thường thiệt hại cho 4 người trong gia đình ông 59.600.000đ, không chấp nhận mảnh đất của ông K2 bảo đảm cho các khoản nợ của Công ty K, không chấp nhận trả lãi, vì ông đã đề nghị bán tài sản thế chấp để trả lãi của khoản vay đó nhưng Ngân hàng không đồng ý. Ông K2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của Công ty K và kháng cáo của ông K2 không có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty K và của ông Phạm Văn K 2 gửi đến Tòa và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Sau khi bị đơn có đơn yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí, song đến ngày mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không giao nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu này của bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại trong nội dung kháng cáo của bị đơn.

Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn cho rằng, tài sản thế chấp là để bảo đảm khoản tiền vay nên không thể chấp nhận cho bị đơn bán để trả lãi là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng. Nguyên đơn đã có bảng kê chi tiết tính lãi và bảng tổng hợp dư nợ của Công ty K. Bị đơn không chứng minh được khoản lãi nào tính không đúng, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Về kháng cáo của ông K2 và bị đơn yêu cầu xem xét lại phạm vi bảo đảm của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, thấy:

Khi ký hợp đồng tín dụng ngày 05/02/2018 Công ty K vay 561.600.000 đồng, ông K2 và bà N đã thế chấp quyền sử dụng 374,3m² đất để đảm bảo cho khoản vay 561.600.000 đồng và nhiều khoản vay khác của Công ty K. Tại điều 2 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ghi: *“1. Tài sản thế chấp bảo đảm việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các khoản tài chính khác của bên vay đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các*

văn kiện tín dụng được ký kết giữa bên vay với bên Ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này.. ”. Như vậy ông K2 bà N đã thế chấp tài sản trên để đảm bảo cho tất cả các khoản vay và các nghĩa vụ tài chính phát sinh của Công ty K, do đó án sơ thẩm đã quyết định tài sản thế chấp của ông K2 và bà N dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty K là có căn cứ đúng pháp luật. Bị đơn và ông K2 kháng cáo song không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty K và ông Phạm Văn K 2 phải chịu án phí phúc thẩm. Ông K2 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K và kháng cáo của ông Phạm Văn K 2; giữ nguyên các nội dung cơ bản, chỉnh sửa một số câu chữ của bản án sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 293, 294, 295, 296, 299, 319, 320, 323; 335, 336, 342, 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K phải trả cho Ngân hàng V tính đến ngày 26/01/2021 tổng số tiền là 2.859.452.466 đồng (*Hai tỷ tám trăm năm chín triệu bốn trăm năm hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng*), trong đó nợ gốc là 1.748.984.293 đồng, nợ lãi trong hạn 21.742.051 đồng, nợ lãi quá hạn 1.088.726.122 đồng và tiền lãi của thẻ tín dụng 32.007,768 đồng.

Kể từ ngày 27/01/2021 Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì tiền lãi mà Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K phải trả được tính theo lãi suất điều chỉnh của từng thời kỳ.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K không trả được số tiền trên thì Ngân hàng V có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ 374,3m² đất ở cùng tài sản gắn liền với đất tại thửa số 26, tờ bản đồ số 109, tại địa chỉ: Tổ 19, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 039019 ngày 26/7/2014 mang tên ông Phạm Văn K 2 và bà Hà Thị N.

+ 1 xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO, biển kiểm soát 17A-093.05, đăng ký mang tên Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu ông Phạm Văn K tiếp tục trả nợ hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, phát mãi các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông K để thu hồi đủ nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp tài sản của ông K không đủ trả nợ thì Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K phải tiếp tục trả Ngân hàng V đến khi hết nợ.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K phải chịu 89.189.000 đồng (*Tám chín triệu một trăm tám chín nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng V số tiền 36.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009880 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ K phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm. Chuyển số tiền 2.000.000đ Công ty đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0000096 ngày 25/2/2021 của Chi cục Thi hành án thành phố T sang thi hành án. Miễn án phí phúc thẩm cho ông Phạm Văn K 2.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/6/2021.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Thái Bình
- Tòa án; Chi cục Thi hành án Dân sự TP T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Toàn Nghĩa